

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 48/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 13-5-2021
V/v Tranh chấp HNGĐ - Ly hôn,
nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Minh Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Phước Tâm.
2. Bà Hồ Thị Mai Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Tấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 13 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Phương B, sinh năm 1971.

Địa chỉ: ấp MT, xã MX, huyện CL, tỉnh ĐT.

- Bị đơn: Chị Phạm Thị Xuyên, sinh năm 1973.

Địa chỉ: ấp MT, xã MX, huyện CL, tỉnh Đt.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm anh Trần Phương B là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Vợ chồng chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND xã MX, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 02/10/2002. Quá trình chung sống với nhau hạnh phúc. Từ đầu năm 2018 chị Xuyên có quan hệ ngoài luồng với người đàn ông khác và lấy tiền ăn xài phung phí. Mặc dù anh B và gia đình đã nhiều lần khuyên giải để đảm bảo hạnh phúc gia đình nhưng chị Xuyên không thay đổi dẫn đến gia đình thường xuyên mâu thuẫn, làm ảnh hưởng đến

việc tâm sinh lý cũng như việc học hành của các con và việc làm ăn của gia đình. Vợ chồng đã chính thức sống ly thân đến nay đã tròn nửa năm. Đời sống chung của vợ chồng không thể hòa hợp nên nay anh B yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Thị Xuyên. Đối với việc chị Xuyên có mối quan hệ ngoài luồng với người đàn ông khác anh B không có yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự hay xử lý hành chính đối với chị Xuyên; anh B chỉ yêu cầu được ly hôn với chị Xuyên.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Mỹ Quyền, sinh ngày 02/7/1994 và Trần Phương Thoại, sinh ngày 01/2/2006. Khi ly hôn anh B yêu cầu được quyền nuôi con chung tên Thoại và không yêu cầu chị Xuyên cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Trần Mỹ Quyền đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung nhưng để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Anh B xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung.

- Về nợ chung: Vợ chồng có vay của bà Bùi Thị Hương (mẹ ruột của anh B) số tiền 20.000.000 đồng. Nhưng bà Hương có ý kiến là không có yêu cầu vợ chồng trả số nợ cho bà Hương trong vụ án này nên anh B thống nhất, không có ý kiến.

Theo biên bản hòa giải ngày 08/4/2021, chị Phạm Thị Xuyên là bị đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Xuyên thừa nhận lời trình bày của anh B về thời gian kết hôn và vợ chồng có đăng ký kết hôn. Khoảng mấy tháng nay chị Xuyên đi làm với bạn bè bên ngoài có đi nhậu với bạn bè cũng có đi về khuya dẫn đến việc anh B ghen tuông chị quen với người đàn ông khác. Chị Xuyên có giải thích với anh B nhưng anh B không đồng ý. Chị Xuyên có gây ra nợ nần, anh B phải trả nợ cho chị Xuyên. Trong thời gian khoảng mấy tháng nay vợ chồng vẫn ở chung nhà nhưng vợ chồng không quan tâm, chăm sóc nhau, vợ chồng có cuộc sống, việc làm riêng. Nhưng chị Xuyên vẫn còn thương chồng thương con nên chị Xuyên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh B.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Mỹ Quyền, sinh ngày 02/7/1994 và Trần Phương Thoại, sinh ngày 01/2/2006. Khi ly hôn chị Xuyên đồng ý để con chung tên Thoại cho anh B được tiếp tục nuôi dưỡng và chị Xuyên không cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Trần Mỹ Quyền đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung nhưng để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng có vay của bà Bùi Thị Hương số tiền 20.000.000 đồng. Nhưng bà Hương có ý kiến là không có yêu cầu vợ chồng chị trả số nợ cho bà Hương trong vụ án này nên chị Xuyên thống nhất, không có ý kiến.

- Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:

- + Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao).
- + Giấy khai sinh con chung (bản sao).
- + Giấy CMND và SHK Trần Phương B (photo).
- + Đơn đề nghị không tiến hành hòa giải đối thoại tại Tòa án của anh Trần Phương B (bản chính).
- + Đơn xin xác nhận nơi cư trú của anh Trần Phương B (bản chính).
- + Văn bản trình bày ý kiến của bà Bùi Thị Hương (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Trần Phương B có đơn yêu cầu được ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn với chị Phạm Thị Xuyên. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là *“Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”*.

Chị Phạm Thị Xuyên là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ ở ấp MT, xã MX, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Phạm Thị Xuyên đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Xuyên là phù hợp theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh B, chị Xuyên sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã MX, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 02/10/2002, do đó hôn nhân giữa anh B và chị Xuyên là hợp pháp. Anh B cho rằng thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ đầu năm 2018 chị Xuyên có quan hệ ngoài luồng với người đàn ông khác và lấy tiền ăn xài phung phí. Mặc dù anh B và gia đình đã nhiều lần khuyên giải để đảm bảo hạnh phúc gia đình nhưng chị Xuyên không thay đổi dẫn đến gia đình thường xuyên mâu thuẫn, làm ảnh hưởng đến việc tâm sinh lý cũng như việc học hành của các con và việc làm ăn của gia đình. Vợ chồng đã chính thức sống ly thân đến nay đã tròn nửa năm.

Chị Xuyên thừa nhận lời trình bày của anh B về thời gian kết hôn và vợ chồng có đăng ký kết hôn. Khoảng mấy tháng nay chị Xuyên đi làm với bạn bè bên ngoài có đi nhậu với bạn bè cũng có đi về khuya dẫn đến việc anh B ghen tuông chị quen với người đàn ông khác. Chị Xuyên có giải thích với anh B

nhưng anh B không đồng ý. Chị Xuyến có gây ra nợ nần, anh B phải trả nợ cho chị Xuyến. Trong thời gian khoảng mấy tháng nay vợ chồng vẫn ở chung nhà nhưng vợ chồng không quan tâm, chăm sóc nhau, vợ chồng có cuộc sống, việc làm riêng. Chị Xuyến vẫn còn thương chồng thương con nên chị Xuyến không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh B nhưng chị Xuyến không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng và anh B cũng không đồng ý hàn gắn tình cảm với chị Xuyến do không còn tình cảm. Như vậy, mục đích hôn nhân của anh, chị không đạt được. Nay anh B yêu cầu ly hôn với chị Xuyến là có căn cứ để chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa anh B và chị Xuyến đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của anh B.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Mỹ Quyền, sinh ngày 02/7/1994 và Trần Phương Thoại, sinh ngày 01/2/2006. Khi ly hôn anh B yêu cầu được quyền nuôi con chung tên Trần Phương Thoại và không yêu cầu chị Xuyến cấp dưỡng nuôi con; chị Xuyến đồng ý để con chung tên Trần Phương Thoại cho anh B được tiếp tục nuôi dưỡng và chị Xuyến không cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Trần Mỹ Quyền, sinh ngày 02/7/1994 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Hội đồng xét xử xét thấy, đây là sự tự nguyện của anh B, chị Xuyến và phù hợp theo quy định pháp luật nên chấp nhận. Do đó để con chung tên Trần Phương Thoại, sinh ngày 01/2/2006 cho anh B được tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Xuyến không phải cấp dưỡng nuôi con do anh B không có yêu cầu. Đối với con chung tên Trần Mỹ Quyền, sinh ngày 02/7/1994 đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Chị Xuyến có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung: Xét thấy khi nộp đơn khởi kiện, anh B có yêu cầu chia tài sản chung, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay anh B xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung, để vợ chồng tự thỏa thuận và chị Xuyến cũng có ý kiến là tài sản chung để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự và phù hợp theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của anh B.

- Về nợ chung: Anh B, chị Xuyến trình bày vợ chồng có nợ bà Bùi Thị Hường (mẹ ruột của anh B) số tiền 20.000.000 đồng. Khi ly hôn anh B yêu cầu chị Xuyến trả 10.000.000 đồng cho bà Hường. Nhưng theo văn bản trình bày ý kiến ngày 08/4/2021 của bà Bùi Thị Hường thì bà Hường không có yêu cầu vợ chồng anh B, chị Xuyến trả số nợ trên cho bà Hường trong vụ án này và yêu cầu không đưa bà Hường tham gia tố tụng trong vụ án và anh B, chị Xuyến cũng

thống nhất theo ý kiến của bà Hương, không có ý kiến hay yêu cầu gì về vấn đề nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

** Về án phí:*

Anh Trần Phương B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của anh Trần Phương B:

- Về hôn nhân: Anh Trần Phương B được ly hôn với chị Phạm Thị Xuyến.

- Về con chung: Anh Trần Phương B được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trần Phương Thoại, sinh ngày 01/2/2006. Chị Xuyến không phải cấp dưỡng nuôi con do anh B không có yêu cầu. Đối với con chung tên Trần Mỹ Quyền, sinh ngày 02/7/1994 đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

Chị Xuyến có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung: Anh B, chị Xuyến thống nhất tài sản chung để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của anh B do anh B rút yêu cầu.

- Về nợ chung: Anh B, chị Xuyến thống nhất có nợ bà Bùi Thị Hương (mẹ ruột anh B) số tiền 20.000.000 đồng, nhưng bà Hương có ý kiến là không có yêu cầu vợ chồng anh B, chị Xuyến trả số nợ trên cho bà Hương trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0012289 ngày 01 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Như vậy tiền án phí anh B đã nộp xong.

Anh B được nhận lại 1.937.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012290, ngày 01 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- UBND xã MX, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lưu Minh Tú